

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Văn hoá học
của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1465/QĐ-KĐCLGDTL ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 23 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng 36 chương trình đào tạo của các Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Trường Đại học Tây Bắc, Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Cao đẳng Huế, Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Văn hoá học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 23 ngày 25 và 26 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Văn hoá học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Văn hoá học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Văn hoá học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 48 tiêu chí chiếm 96%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Văn hoá học (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Văn hoá học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐHKHXHNV, ĐHQGHN;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Văn hoá học
của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
(Kèm theo Nghị quyết số 183/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	4			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2		4,00	3	100
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	4			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80
Tiêu chí 5.1	4			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6		4,00	7	100
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	4			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7		4,20	5	100
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	5			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8		4,40	5	100
Tiêu chí 8.1	5			
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 9		4,20	5	100
Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	5			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10		4,33	6	100
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	5			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	5	4,00	5	100
Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
4,08	48	96



Phụ lục II KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

**Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Văn hoá học
của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội**
(Kèm theo Nghị quyết số 183/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Văn hoá học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, giai đoạn 2020 - 2025 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học, sứ mạng, tầm nhìn của Trường. Chuẩn đầu ra của CTĐT, ma trận chuẩn đầu ra với các học phần của CTĐT khá rõ ràng, đáp ứng cơ bản các mục tiêu đề ra, phản ánh được nhu cầu của các bên liên quan.

2. Bản mô tả CTĐT được rà soát, điều chỉnh, cập nhật dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan, có đầy đủ thông tin theo quy định, được phổ biến đến giảng viên, người học và các bên liên quan. Đề cương chi tiết các học phần được rà soát theo kế hoạch rà soát, cập nhật và điều chỉnh CTĐT, có tương đối đầy đủ các thông tin, được phổ biến đến giảng viên, người học. Bản mô tả CTĐT được công khai trên website của Trường, thông qua các tài liệu giới thiệu thông tin tuyển sinh về các ngành đào tạo, các bên liên quan đều có thể dễ dàng tiếp cận, giảng viên thuận tiện trong việc tra cứu, sử dụng thông tin để lập kế hoạch giảng dạy và tư vấn cho người học.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Các tổ hợp các phương pháp giảng dạy và học tập, kiểm tra đánh giá các học phần trong chương trình dạy học phù hợp với chuẩn đầu ra của từng học phần. Chương trình dạy học được rà soát, đánh giá thông qua hoạt động lấy ý kiến của các bên liên quan và tham khảo CTĐT cùng ngành của một số trường đại học trong nước và nước ngoài. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

4. Triết lý giáo dục “Giáo dục khai phóng” được tuyên bố chính thức, được công bố công khai và phổ biến đến giảng viên và người học và giới thiệu đến các bên liên quan. Các hoạt động dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra, chiến lược giảng dạy, học tập và đánh giá kết quả học tập đã tuyên bố trong Bản mô tả chương trình dạy học. Các hoạt động dạy và học đều hướng đến việc thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho người học và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

5. Các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học đầy đủ, rõ ràng bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi

và các nội dung liên quan. Việc phản hồi kết quả học tập được quy định rõ ràng, được phổ biến kịp thời đến người học. Quy trình phúc khảo bài thi học kỳ được thể hiện trong Sổ tay sinh viên hoặc có thể đăng nhập trên cổng thông tin của Trường. Trong giai đoạn đánh giá, không có đơn khiếu nại về kết quả học tập của người học.

6. Đội ngũ giảng viên có cơ cấu hợp lý, được quy hoạch, phát triển và duy trì tỷ lệ giảng viên có chức danh khoa học, học vị cao, đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định, quy đổi và được giám sát chặt chẽ. Quy định đánh giá năng lực giảng viên, nghiên cứu viên được xác định gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ. Hoạt động quản trị theo kết quả công việc được triển khai. Công tác đánh giá, khen thưởng và công nhận kết quả công việc của giảng viên được thực hiện công khai. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được quy định rõ ràng, được giám sát và đối sánh để cải tiến. Đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, công bố nhiều bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước, có chỉ số công bố chung và công bố trên tạp chí WoS/Scopus cao hơn quy định tại Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT.

7. Nhu cầu đội ngũ nhân viên hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác định. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được quy hoạch, phát triển đáp ứng nhu cầu và yêu cầu công việc tại các vị trí việc làm. Quy định, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ cán bộ, nhân viên rõ ràng, được phổ biến công khai. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ được xác định. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được xây dựng và triển khai thực hiện. Việc đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên hỗ trợ dựa trên mô tả năng lực vị trí việc làm. Quy trình đánh giá xếp loại, xét danh hiệu thi đua thực hiện chặt chẽ, bài bản, đúng quy định. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được tham gia xây dựng, góp ý quy định đánh giá hiệu quả công việc hài lòng với kết quả đánh giá.

8. Các chính sách và quy định về tuyển sinh, tiêu chí và phương thức xét tuyển người học được xác định rõ ràng, được rà soát, đánh giá hằng năm. Kết quả tuyển sinh cơ bản ổn định, đủ chỉ tiêu và điểm xét tuyển cao. Hoạt động giám sát sự tiến bộ của người học được quy định rõ ràng. Hoạt động tư vấn và hỗ trợ cho người học thiết thực, nhất là hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học trong nghiên cứu khoa học. Môi trường tâm lý, văn hoá, không khí học tập thân thiện và thực hiện khá nhiều giải pháp đảm bảo các điều kiện vệ sinh, an toàn.

9. Hệ thống phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng và trang thiết bị đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Hệ thống thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hệ thống phòng thực hành máy tính và thực hành ngoại ngữ, với những trang thiết bị cơ bản, hiện đại. Hệ thống công nghệ thông tin được phát triển đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu. Các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn được xây dựng, ban hành có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật.

10. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế/phát triển chương trình dạy học. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến. Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT và chương trình dạy học của Trường được thiết lập, được rà soát đánh giá và cải tiến. Hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá của giảng viên đối với người học, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được quy định rõ ràng, được đánh giá và cải tiến. Giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện CTĐT có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến hoạt động dạy và học; có nhiều kết quả nghiên cứu khoa học, bài báo công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế và trong nước có nội dung được truyền tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định rõ ràng, có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

11. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, tốt nghiệp đúng hạn; thời gian tốt nghiệp trung bình; loại hình và các hoạt động nghiên cứu của người học; mức độ hài lòng của các bên liên quan được thiết lập. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm cao. Sinh viên thực hiện một số kết quả nghiên cứu khoa học, có 13 bài trên các Kỷ yếu hội nghị khoa học và diễn đàn quốc gia, 22 bài trên Kỷ yếu Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học, 1 giải thưởng cấp Đại học Quốc gia Hà Nội và 6 giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Trường. Tỷ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học tính chung trong giai đoạn đánh giá là 9,3%. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện đầy đủ các nội dung và hình thức khác nhau theo quy trình thống nhất.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT phù hợp với bối cảnh của thị trường lao động, tầm nhìn, sứ mạng Trường đã xác định; nghiên cứu và cân nhắc số lượng các chuẩn đầu ra của CTĐT, diễn đạt từng chuẩn đầu ra đảm bảo lượng hoá chính xác các mức độ cần đạt được về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

2. Rà soát, cập nhật bản mô tả CTĐT dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan; rà soát nội dung đề cương chi tiết các học phần, đa dạng hơn các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần; rà soát danh mục giáo trình bắt buộc và các tài liệu tham khảo, tăng cường các đầu sách mới, sách ngoại văn đảm bảo tính cập nhật trong bối cảnh hội nhập quốc tế, chuyển đổi số; xây dựng phiên bản rút gọn với những thông tin cốt lõi về CTĐT để bổ sung các nội dung này trong tờ rơi, brochure nhằm giới thiệu cho các đối tượng người học và các bên liên quan khác.

3. Tăng cường hướng dẫn, tập huấn cho giảng viên cách thức thiết kế/xây dựng đề cương học phần dựa trên chuẩn đầu ra; sử dụng nhiều hơn các phương pháp giảng dạy về case-study, project để hướng đến rèn luyện kỹ năng giải quyết tình huống thực tế, năng lực tự học, nghiên cứu của người học; rà soát, đánh giá mức độ đóng góp các học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT; xây dựng tiêu chí lựa chọn và đối sánh các CTĐT trong cùng ngành đào tạo phù hợp với định hướng của Trường trong khu vực, quốc tế; đa dạng các nội dung đối sánh về chuẩn đầu ra kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, các khối kiến thức đào tạo và cấu trúc chương trình dạy học, để có thể tham khảo, bổ sung vào CTĐT những học phần phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và đặc thù yêu cầu của từng chuyên ngành.

4. Khảo sát, đánh giá hiệu quả các phương thức truyền thông đến các bên liên quan khác nhau, tăng cường phổ biến đến các bên liên quan bên Trường; rà soát đề cương chi tiết của các học phần để lựa chọn và sử dụng đa dạng các hoạt động giảng dạy, học tập phù hợp với chuẩn đầu ra; nghiên cứu, xây dựng hồ sơ học tập điện tử giúp cho việc theo dõi và đánh giá mức độ tích lũy các hoạt động rèn luyện các kỹ năng, hoạt động ngoại khoá mà người học tham gia giúp nâng cao kỹ năng mềm/chuyên môn cho người học; nâng cao chất lượng các hoạt động ngoại khoá, chú ý đến các hoạt động thực tập/trải nghiệm thực tiễn, tăng cường các khoá kỹ năng mềm cho sinh viên.

5. Rà soát, đánh giá mức độ phù hợp và tương thích của các phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra; hướng dẫn xây dựng ma trận đề thi đánh giá kết thúc học phần để thuận tiện, thống nhất trong việc đánh giá; phân tích, đánh giá độ giá trị, độ tin cậy của các đề thi; bổ sung đầy đủ các thang đánh giá các chuẩn đầu ra về kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; khảo sát, đánh giá việc công bố và phản hồi kết quả đánh giá, xây dựng quy trình, biện pháp hỗ trợ sinh viên điều chỉnh phương pháp học tập để cải thiện kết quả học tập.

6. Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên theo nhu cầu của CTĐT, định kỳ đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển đội ngũ để có cơ sở điều chỉnh phù hợp; bổ sung quy định về quy đổi giờ phục vụ cộng đồng và xây dựng KPIs cụ thể để theo dõi, đánh giá; xây dựng cơ chế, chính sách thu hút giảng viên có chức danh khoa học, học vị cao; bổ sung các tiêu chí tuyển dụng phù hợp với định hướng phát triển CTĐT; hoàn thiện khung năng lực giảng viên, bổ sung các tiêu chí về năng lực thiết kế, giảng dạy và đánh giá theo chuẩn đầu ra; dự báo nhu cầu đào tạo bồi dưỡng làm cơ sở xây dựng, thực hiện kế hoạch và đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng; xây dựng hệ thống đánh giá kết quả công việc dựa trên dữ liệu định lượng và gắn kết trực tiếp với cơ chế khen thưởng, phát triển nghề nghiệp, góp phần nâng cao động lực và hiệu quả của đội ngũ giảng viên; sử dụng phần mềm giám sát khối lượng công việc của giảng viên; thực hiện phân tích, đánh giá và đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học định kỳ với trường đại học làm cơ sở cải tiến.

7. Phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên hỗ trợ theo từng vị trí việc làm, xây dựng kế hoạch tuyển dụng phù hợp; rà soát, đánh giá việc thực hiện

đề án vị trí việc làm, làm cơ sở điều chỉnh tiêu chí tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm đội ngũ nhân viên hỗ trợ, điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng đề án vị trí việc làm cho giai đoạn tiếp; xác định khối lượng công việc, xây dựng các chỉ tiêu cụ thể cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ làm cơ sở giao nhiệm vụ và đánh giá đầy đủ, toàn diện năng lực của đội ngũ nhân viên hỗ trợ; đa dạng hóa hình thức đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên hỗ trợ bảo đảm khách quan, dân chủ; khảo sát, đánh giá mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên hỗ trợ làm cơ sở xây dựng và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; khảo sát, đánh giá chất lượng, thời gian, hiệu quả các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên hỗ trợ để cải tiến hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phù hợp; ban hành quy định về quản trị theo công việc của đội ngũ nhân viên hỗ trợ; cải tiến công tác lập kế hoạch hoạt động của đơn vị và cá nhân, khảo sát, lấy ý kiến của lãnh đạo, giảng viên về năng lực của đội ngũ nhân viên hỗ trợ; cải tiến việc lấy ý kiến dự thảo quy định cũng như các quy định/quy trình đánh giá hiệu quả công việc để điều chỉnh, bổ sung phù hợp, nâng cao chất lượng văn bản được ban hành.

8. Chú trọng thu thập sự góp ý của các bên liên quan ngoài trường về các chính sách và quy định tuyển sinh; phân tích, đánh giá các phương thức, tổ hợp xét tuyển để có sự điều chỉnh phù hợp; rà soát, điều chỉnh, bổ sung các văn bản quy định theo dõi sự tiến bộ của người học phù hợp với thực tế; rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các hoạt động tư vấn và hỗ trợ cho người học; rà soát, điều chỉnh và ban hành chính thức các bộ quy tắc ứng xử, quy tắc văn hoá để cán bộ, giảng viên và người học chủ động hơn trong việc thực hiện; nghiên cứu; bổ sung vườn hoa, cây cảnh, không gian dành cho các hoạt động tự học, tự nghiên cứu, các hoạt động văn hoá, thể thao của người học.

9. Xây dựng tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích và trang thiết bị chuyên dụng theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024, áp dụng quản lý tài sản theo mô hình số hóa; tăng số bản sách và tỷ lệ sách số hóa theo Thông tư số 14/2023/TT-BGDĐT; nâng cấp phần mềm Virtual, chuẩn hóa quy trình quản lý phòng tư liệu Khoa, và xây dựng cơ chế liên thông dữ liệu; xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị thực hành theo Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT, thiết lập quy trình định kỳ đánh giá hiệu quả khai thác thiết bị, số hóa hoạt động quản lý thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả khai thác; nâng cấp và đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin, tích hợp các phần mềm quản lý, bảo đảm liên thông dữ liệu giữa các hệ thống, từng bước triển khai chuyển đổi số toàn diện, hướng tới mô hình quản trị đại học thông minh; ban hành quy định chung về môi trường, sức khỏe và an toàn, mở rộng đối tượng khảo sát, lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật.

10. Chú trọng thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo và yêu cầu về năng lực của các vị trí việc làm tại nơi sử dụng lao động làm cơ sở rà soát, điều chỉnh và phát triển CTĐT và chương trình dạy học; xây dựng quy trình, hướng dẫn cụ thể hoạt động thiết kế, phát triển đề cương chi tiết các học phần và chương trình dạy học; đánh giá sự tương thích và phù hợp các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra của CTĐT; kết hợp hài hòa giữa nghiên cứu chuyên sâu và nghiên cứu phát triển CTĐT, chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập của người học của chính CTĐT

đang được tổ chức đào tạo tại Trường; bổ sung các tiêu chí đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của phòng thí nghiệm/thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, đánh giá đầy đủ chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của phòng thực hành và hệ thống công nghệ thông tin, tách riêng kết quả đánh giá cho CTĐT; xác định vị trí, vai trò, chức năng của Hội đồng đảm bảo chất lượng, thể hiện trong cơ cấu tổ chức của Trường để tăng cường sự kết nối và trao đổi thông tin giữa các bên liên quan, nâng cao hiệu quả cơ chế phản hồi của các bên liên quan.

11. Có các giải pháp phù hợp để cải tiến chất lượng đào tạo nhằm tăng thêm tỷ lệ tốt nghiệp trước và đúng hạn, nhưng vẫn bảo đảm chất lượng đào tạo, giảm tỷ lệ thôi học, tăng tỷ lệ có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo; chú trọng phát triển nghiên cứu khoa học của sinh viên về quy trình thực hiện, số lượng, chất lượng và tính ứng dụng, quan tâm thêm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; khuyến khích sinh viên đăng kết quả trên báo khoa học (ISSN, WoS/Scopus) tương xứng với chất lượng sinh viên của Trường; đối sánh với các CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước về các chỉ số và nội dung các tiêu chí về kết quả đầu ra; áp dụng quản trị theo nguyên lý và theo quy định và chu trình PDCA trong xây dựng, phát triển, thực hiện và cải tiến CTĐT cũng như phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và hỗ trợ nghiên cứu, đào tạo, phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị để thực hiện tốt CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Văn hoá học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.